| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5 - CAO BẰNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 67/2026/QĐST-HNGĐ | *Cao Bằng, ngày 13 tháng 5 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 104/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị D, sinh ngày 07/11/2001; Căn cước công dân: xxx; Nơi cư trú: xóm K, xã C, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Anh Nông Văn M, sinh ngày 09/10/1998; Căn cước công dân: xxx; Nơi cư trú: xóm K, xã C, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2026.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị D và anh Nông Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị D và anh Nông Văn M thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nông Thị D và anh Nông Văn M có 02 con chung là Nông Anh N, sinh ngày 04/01/2020 và Nông Thị Ngọc D1, sinh ngày 28/7/2023.

Khi ly hôn, chị D và anh M thỏa thuận, giao các cháu Nông Anh N, sinh ngày 04/01/2020 và Nông Thị Ngọc D1, sinh ngày 28/7/2023 cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu N, D1 đủ 18 tuổi.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung Nông Anh N, sinh ngày 04/01/2020 và Nông Thị Ngọc D1, sinh ngày

28/7/2023 mỗi con chung là 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 5/2026 cho đến khi con chung Nông Anh N, Nông Thị Ngọc D1 đủ 18 tuổi.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Không có.

2.6. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 2, Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, điểm b, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nông Thị D và anh Nông Văn M mỗi người phải chịu số tiền 75.000 đồng án phí dân sự Hôn nhân gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, chị D tự nguyện nộp thay án phí cho anh M số tiền 75.000 đồng án phí dân sự Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị D phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền chị D phải nộp là 300.000 để nộp vào ngân sách nhà nước, đối trừ với số tiền 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số: 0000241, ngày 15/4/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng. Đương sự đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 5 – Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Cao Bằng;
- UBND xã CB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Hoàng Thị Kim**